|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn 30/12/2024 | Tiết PPCT | Lớp  8C | Ngày dạy | Tiết | Lớp 8D | Ngày dạy | Tiết |
| 73 | 15/1/2024 | 2 | 17/1/2024 | 5 |
| 74 | 3 | 19/1/2024 | 2 |
| 75 | 20/1/2024 | 2 | 3 |

|  |
| --- |
| **BÀI 6: TRUYỆN**  **TIẾT 73-75: VĂN BẢN: LÃO HẠC ( NAM CAO)**  **Thời gian thực hiện: 3 tiết** |

**I. MỤC TIÊU**

**1.Kiến thức**

Củng cố khắc sâu kiến thức về văn bản *Lão Hạc* mà các em đã được học thông qua các hệ thống câu hỏi và các phiếu học tập để ôn luyện…

**2.Năng lực**

*- Năng lực tự chủ và tự học:* Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để hiểu về văn bản đã học

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề  để hiểu về văn bản đã học.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Lão Hạc*.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Lão Hạc*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

- Năng lực nhận diện, phân loại trường từ vựng.

- Năng lực phân chia bố cục văn bản.

**3. Về phẩm chất**

**- Chăm chỉ:** Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.

**- Trách nhiệm**: Có ý thức  tham gia thảo luận nhóm để thống nhất vấn đề. Xây dựng thái độ hòa nhã khi tham gia làm việc nhóm. Có trách nhiệm trong việc trình bày lắng nghe và phản biện.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Giáo viên: Giáo án, sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Học sinh: Thiết bị học tập cần thiết

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho HS; tạo vấn đề vào chủ đề.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó tạo vấn đề vào chủ đề.

**b. Nội dung:** GV cho học sinh xem video

**c. Sản phẩm:** HS quan sát video

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV tổ chức cho học sinh trò chơi GIẢI Ô CHỮ với 6 hàng ngang  - HS trả lời, tìm ra ô chữ hàng dọc với dòng chữ: TÂM HỒN  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS quan sát và suy nghĩ giải ô chữ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời .  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  - Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới  - GV dẫn vào bài học: *Văn học hiện thực Việt Nam đánh dấu sự thành công trên văn đàn của nhiều tác giả như Kim Lân, Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố... và không thể không nhắc tới nhà văn Nam Cao. Nếu viết về chủ đề người tri thức, ông không chỉ khiến người đọc trăn trở, xót xa với bao số phận như Thứ, như Hộ,... những kẻ tri thức giàu ước mơ, khát khao nhưng bị cái nghèo, cái đói vùi dập, ghì sát đất. Thì viết về chủ đề người nông dân, Nam Cao cũng khiến cho ta phải thổn thức, đắng cay với số phận của những kiếp người đau khổ, nghèo đói nhưng giàu tình người. Lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên là một nhân vật có số phận bi thảm như thế nhưng trên hết, lão là một con người có nhân cách, có tâm hồn cao đẹp.* | *- Tạo tâm thế hứng thú giúp HS vào bài mới.* |

**HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**HĐI. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, đọc văn bản và theo dõi thông tin về tác giả, tác phẩm

**c. Sản phẩm học tập:** Bài đọc của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **NỘI DUNG SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc lại thông tin trong SGK, nêu những nét chính về tác giả, tác phẩm.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo bàn, nêu thể loại, PTBĐ, ngôi kể và nhân vật trung tâm của văn bản.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận theo bàn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I.Đọc - Tìm hiểu chung về văn bản**  **1. Đọc**  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  -  Nam Cao (1915 – 1951), tên khai sinh là Trần Hữu Tri, quê ở Hà Nam  - Là nhà văn đã có đóng góp cho nền văn học dân tộc các tác phẩm hiện thực xuất sắc về đề tài người nông đân nghèo bị áp bức và người trí thức nghèo sống mòn mỏi trong xã hội cũ.  - Sau cách mạng nhà văn bền bỉ sáng tác phục vụ kháng chiến.. Ông đã hy sinh trên đường đi công tác ở vùng sau lưng địch.  **b. Tác phẩm**  - HCST: - Đăng báo lần đầu năm 1943. Là tác phẩm tiêu biểu của nhà văn Nam Cao.  - XS: Đoạn trích nằm cuối truyện.  - Thể loại: Truyện ngắn  - Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.  - Ngôi kể thứ nhất - lời ông giáo.  - Nhân vật trung tâm: Lão Hạc.  **c. Kết cấu, bố cục: 3 phần**  - - Phần 1: Từ đầu → cũng xong: Lão Hạc kể chuyện bán chó và nhờ ông giáo hai việc.  - Phần 2: Tiếp theo → đáng buồn: Cuộc sống của lão sau khi bán chó.  - Phần 3: Còn lại: Cái chết của lão Hạc.  *\* Tóm tắt văn bản:*  Truyện kể về lão Hạc - một người nông dân nghèo, sống cô độc chỉ có con chó vàng làm bạn. Con trai lão vì nghèo không lấy được vợ đã phẫn chí bỏ làng đi làm ăn xa. Lão Hạc ở nhà chờ con về, làm thuê để sống. Dù đói lão vẫn quyết không bán mảnh vườn và không ăn vào số tiền dành dụm được do thu hoạch từ mảnh vườn; lão giữ cả cho con trai. Sau một trận ốm dai dẳng lão không còn sức đi làm thuê nữa. Không còn đường sinh sống, lão Hạc lặng lẽ đi đến một quyết định quan trọng. Lão bán con chó vàng lão rất mực yêu thương, mang hết số tiền dành dụm được và mảnh vườn gửi cho ông giáo trông coi hộ đặng sau này con trai trở về còn có cái sinh sống. Lão chịu đói ăn khoai và sau đó chế được món gì ăn món ấy. Cuối cùng lão ăn bả chó để tự tử. Ông giáo hiểu ra tất cả, vô cùng đau đớn nghĩ về cái chết của lão Hạc và chiêm nghiệm về cuộc đời.  \* Từ khó ( SGK) |
| **II. ĐỌC – TÌM HIỂU CHI TIẾT** | |
| **NV3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận:  + Nhóm 1: Phân tích tâm trạng của Lão Hạc khi bán cậu Vàng  + Nhóm 2: Phân tích cái chết của Lão Hạc  + Nhóm 3: Phân tích thái độ, tình cảm của ông giáo đối với Lão Hạc  + Nhóm 4: Phân tích những ý nghĩ của ông giáo về Lão Hạc.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. Đọc – tìm hiểu chi tiết**  **1/ Nhân vật Lão Hạc**  ***a. Tình cảnh của Lão Hạc***  - Nhà nghèo, vợ chết con trai bỏ đi đồn điền cao su  - Làm thuê để kiếm ăn.  - Sau ốm: tiêu hết tiền dành dụm ... không có việc, bán chó  -> Cuộc sống nghèo khổ, cùng quẫn và cô đơn  => Lớp người nông dân nghèo khổ trước CMT8  ***b. Tình cảm của lão Hạc đối với ”cậu Vàng”***  - Trước  khi bán con chó Vàng  + Nói với ông giáo về ý định bán chó  + Lão phải suy tính, đắn đo nhiều lần, coi đó là việc rất hệ trọng.  - Sau khi bán con Vàng:  + Cố làm ra vui vẻ, cười như mếu, mắt ầng ậc nước, mặt co rúm lại, vết nhăn xô lại, ép nước mắt chảy ra, đầu ngoẹo về một bên, mếu như con nít, hu hu khóc.  ◊ Sử dụng các từ tượng hình, tượng thanh, động từ có sức gợi tả cao, biểu hiện chân thực, cụ thể, chính xác, đặc tả ngoại hình đầy ấn tượng.  ◊ Thể hiện một sự ngậm ngùi, chua chát, nỗi đau đớn, hối hận, xót xa, sự thương tiếc, nỗi buồn và sự bất lực trước cảnh sống hiện tại cùng cực.  ⎝ Là con người sống tình nghĩa, thuỷ chung, một người cha yêu thương con sâu sắc muốn dành dụm tất cả những gì có thể cho con để con có một cuộc sống hạnh phúc, một con người có nhân cách cao quí.  ***c. Tình cảm của lão Hạc đối với con trai và phẩm chất của lão***  - Nhờ ông giáo:  + giữ hộ ba sào vườn cho con trai  + gửi 30 đồng để lo hộ đám tang cho mình  -> Lão là người cha tốt, cao thượng giàu đức hi sinh  -> người nông dân nghèo nhưng có lòng tự trọng cao  ***d. Cái chết của lão Hạc***  - Lão Hạc chuẩn bị cho cái chết của mình:  + Làm văn tự, nhờ ông giáo trông nom hộ 3 sào vườn để khi con về sẽ có đất ở, có vườn làm... văn tự để tên ông giáo, về sau này nhờ ông giáo trông nom cho con ông.  + Gửi ông giáo 30 đồng bạc để khi lão chết nhờ hàng xóm chi tiêu lo hộ việc ma chay.  - Chuẩn bị âm thầm, chu đáo.  ◊ Lão Hạc chủ động và tự nguyện tìm đến cái chết.  ⎝  Là một người cha hết lòng vì con. Là người sống chu đáo, giàu lòng tự trọng.  - Cách xây dựng tình huống truyện đầy bất ngờ, có tác dụng “đánh lừa”...  - Lão Hạc vật vã, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc, tru tréo, bọt mép sùi ra...  ◊ Một loạt các từ tượng hình và tượng thanh liên tiếp gợi tả về một cái chết dữ dội và thê thảm...  ◊ Tình huống truyện được đẩy lên đến đỉnh điểm.  ◊ Lão tự giải thoát bằng cách tự trừng phạt mình.  ***\* Nguyên nhân về cái chết của lão Hạc***  - Do tình cảnh đói khổ, túng quẫn.  - Xuất phát từ từ tình yêu thương, trách nhiệm với con, từ lòng tự trọng đáng kính.  - Thực trạng xã hội thực dân phong kiến đương thời  ⎝ Phản ánh số phận đau thương và phẩm chất cao quý tiềm tàng của người nông dân nghèo trước cách mạng tháng Tám.  ⎝ Lão Hạc là một nhân vật lương thiện, bị bần cùng hoá nên phải chọn cái chết thảm thương, đau đớn. Đó là một người cha giàu lòng yêu thương con, một người tình nghĩa thủy chung, trung thực, là một tâm hồn, một tính cách cao thượng, một nhân cách cao cả.  Trước CMT8 : Người nông dân có cuộc sống khốn cùng nhưng có nhân cách cao quý, tâm hồn đáng trân trọng( giá trị hiện thực)  - Cảm thông, trân trọng với số phận con con người nôn dân. Lên án tố cáo xã hội đương thời ( Giá trị nhân đạo  - Cách xây dựng tình huống truyện đầy bất ngờ, có tác dụng “đánh lừa”...  ◊ Tình huống truyện được đẩy lên đến đỉnh điểm.  ◊ Lão tự giải thoát bằng cách tự trừng phạt mình  **2. Nhân vật ông giáo**  ***\* Thái độ, tình cảm đối với lão Hạc***  - Muốn ôm choàng lấy lão oà lên khóc, ái ngại, an ủi, bùi ngùi...  - Giấu giếm vợ giúp lão Hạc.  - Tôn trọng, cảm thông, xót thương tình cảnh của lão Hạc.  ***\* Những ý nghĩ của ông giáo về lão Hạc:***  - Thấm đẫm triết lý nhân sinh.  - Thâm trầm, sâu sắc.  ⎝ Tấm lòng yêu thương trân trọng đối với người nông dân.  ***3. Nhân vật Binh Tư và vợ ông giáo***  - Vợ ông giáo: Cho lão chết! Ai bảo lão có tiền mà chịu khổ! Lão làm khổ lão chứ ai làm lão khổ!  - Binh Tư : Không ưa lão Hạc vì lão lương thiện quá  + Lão làm bộ đấy.... lão chỉ tâm ngẩm thế, nhưng cũng ra phết chứ chẳng vừa đâu.  -> Đều không hiểu lão, cho rằng lão là một người gàn dở, lão cũng như những người bình hường khác  => Họ thiếu sự cảm thông, họ không hiểu lão và cũng cùng cực như lão nên không thể nghĩ khác được. |
| **NV4:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ, trả lời:  + *Thái độ của tác giả đối với Lão Hạc như thế nào?*.  +*Tổng kết về nghệ thuật và nội dung của văn bản.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời một số HS trả lời câu hỏi trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Lời kể ngôi thứ nhất, người kể là nhân vật hiểu, chứng kiến toàn bộ câu chuyện và cảm thông với lão Hạc.  - Kết hợp các phương thức biểu đạt tự sự, trữ tình, lập luận, thể hiện được chiều sâu tâm lí nhân vật với diễn biến tâm trạng phức tạp, sinh động.  - Sử dụng ngôn ngữ hiệu quả, tạo được lối kể khách quan, xây dựng được hình tượng nhân vật có tính cá thể hoá cao.  **2. Nội dung- Ý nghĩa văn bản**  **- Nội dung:** Tác phẩm phản ánh hiện thực số phận của người nông dân trước CM tháng Tám qua tình cảnh của lão Hạc và thể hiện tấm lòng của nhà văn trước số phận đáng thương của một con người.  **- Ý nghĩa:** Văn bản thể hiện phẩm giá của người nông dân không bị hoen ố cho dù phải sống trong hoàn cảnh khốn cùng |

**HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bảnLão Hạc

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ

**c. Sản phẩm học tập:** HS trình bày câu trả lời

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SP** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **NV1:** GV phát phiếu học tập cho HS, yêu cầu HS tự hoàn thành bài tập.   |  | | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **Câu 1.** Truyện ngắn Lão Hạc của tác giả nào?  A.  Nguyễn Công Hoan  B. Nam Cao  C. Nguyễn Tuân  D. Thạch Lam  **Câu 2.** Tác phẩm Lão Hạc được viết theo thể loại nào?  A. Truyện ngắn  B. Truyện vừa  C. Truyện dài  D. Tiểu thuyết  **Câu 3.** Truyện ngắn Lão Hạc sáng tác năm nào?  A. 1920  B. 1943  C. 1945  D. 1950  **Câu 4.** Ý nào nói đúng nhất nội dung của truyện Lão Hạc?  A. Tác động của cái đói và miếng ăn đến đời sống con người  B. Phẩm chất cao quý của người nông dân  C. Số phận đau thương của người nông dân  D. Tất cả đều đúng  **Câu 5.** Nhận định nào nói đúng nhất ý nghĩa cái chết của lão Hạc?  A. Thể hiện tính tự trọng và quyết tâm không rơi vào con đường tha hóa của một người nông dân.  B. Gián tiếp tố cáo xã hội thực dân phong kiến đã đẩy người nông dân vào hoàn cảnh khốn cùng.  C. Là bằng chứng cảm động về tình phụ tử mộc mạc, giản dị nhưng cao quý vô ngần.  D. Tất cả đều đúng.  **Câu 6.** Trong tác phẩm , lão Hạc là nhân vật có tính cách như thế nào?  A. Là một người có số phận đau thương nhưng có phẩm chất cao quý.  B. Là người nông dân sống ích kỉ đến mức gàn dở ,ngu ngốc.  C. Là người nông dân có thái độ sống vô cùng cao thượng.  D. Là người nông dân có sức sống tiềm tàng mạnh mẽ.  **Câu 7.** Trong tác phẩm Lão Hạc, con trai lão Hạc đi phu vì lí do gì?  A. Vì muốn làm giàu.  B. Phẫn chí vì nghèo không lấy được vợ.  C. Vì không lấy được người mình yêu.  D. Vì nghèo túng quá.  **Câu 8.** Trong tác phẩm Lão Hạc, vì sao lão Hạc phải bán cậu Vàng?  A. Vì lão sợ kẻ trộm đánh bả.  B. Vì nuôi con chó sẽ phải tiêu vào tiền của con.  C. Để lấy tiền gửi cho con.  D. Vì lão không muốn nuôi con chó nữa.  **Câu 9.** Điểm điểm nghệ thauajt nào sau đây không đúng với truyện ngắn Lão Hạc?  A. Sử dụng ngôi kể thứ nhất, người kể là nhân vật chứng kiến và hiểu toàn bộ câu chuyện.  B. Nghệ thuật phân tích tâm lí nhân vật đặc sắc.  C. Xây dựng được nhân vật có tính cộng đồng, đại diện cho xã hội đương thời.  D. Truyện mang màu sắc trữ tình đan xen triết lí sâu sắc.  **Câu 10.** Dấu ba chấm (dấu chấm lửng) được nhắc lại nhiều lần trong đoạn văn sau có tác dụng gì:  *"Hỡi ơi lão Hạc! Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều như ai hết...Một con người thế ấy!...Một người đã khóc vì trót lừa một con chó!...Một người nhịn ăn để tiền lại làm ma, bởi không muốn liên lụy đến hàng xóm, láng giềng...Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư? Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày thêm đáng buồn..."*  (Lão Hạc, Nam Cao)  A. Ngụ ý rằng còn nhiều điều ông giáo biết về lão Hạc mà chưa kể hết.  B. Làm dãn nhịp điệu câu văn.  C. Thể hiện sự ngập ngừng, ngỡ ngàng đau đớn trong lòng ông giáo.  D. Tất cả đều đúng  **Câu 11.** Ý kiến nào nói đúng nhất nguyên nhân sâu xa khiến lão Hạc phải lựa chọn cái chết?  A. Lão Hạc ăn phải bả chó.  B. Lão Hạc ân hận vì chót lừa cậu Vàng  C. Lão Hạc rất thương con  D. Lão Hạc không muốn làm liên lụy đến mọi người  **Câu 12.** Ý kiến nào sau đây nói đúng nhất nghệ thuật xây dựng nhân vật chính của nhà văn trong truyện “Lão Hạc”.  A. Đặt nhân vật vào những tình huống trớ trêu để tự bộc lộ mình.  B. Để cho các nhân vật khác nhận xét về nhân vật chính.  C. Để nhân vật chính đối thoại với các nhân vật khác để bộc lộ mình.  D. Kết hợp cả ba ý kiến trên.  **Câu 13.** Qua các tác phẩm về người nông dân trong xã hội cũ, em nhận thấy cuộc đời và tính cách của người nông dân có đặc điểm gì?  A. Là những số phận nghèo khổ, bần cùng trong xã hội.  B. Tấm lòng yêu thương gia đình, trân trọng tình cảm.  C. Luôn giữ tấm lòng trong sạch, cao đẹp giữa những bùn nhơ của xã hội phong kiến.  D. Tất cả đều đúng.  **Câu 14.** Nội dung của văn bản là:  A. Phản ánh hiện thực số phận người nông dân trước CMT8 : nghèo túng, không có lối thoát.  B. Cảm thông, trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp tiềm ẩn của người nông dân trong cảnh khốn cùng vẫn giàu lòng tự trọng.  C. thể hiện tấm lòng yêu thương, trân trọng đối với người nông dân trong xã hội của nhà văn Nam Cao.  D. Tất cả đều đúng. |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt**  **động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá |  |

**HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS khái quát lại nội dung bài học thông qua hệ thống câu hỏi và bài tập.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ

**c. Sản phẩm học tập:** Bài làm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

**NV2:** GV phát phiếu học tập cho HS, yêu cầu HS tự hoàn thành BT.

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **Câu 1.** Văn bản *Lão Hạc* được viết theo thể loại nào?  **Câu 2.**Văn bản *Lão Hạc* được kể theo ngôi thứ mấy?  **Câu 3.**Trong truyện ngắn *Lão Hạc*, vì sao lão Hạc phải bán cậu Vàng?  **Câu 4.** Văn bản *Lão Hạc* có những nét đặc sắc nghệ thuật nào?  **Câu 5.** Ý nghĩa của văn bản *Lão Hạc* là gì?  **Câu 6.** Hãy phân tích diễn biến tâm trạng của lão Hạc xoay quanh việc bán chó.  **Câu 7.**Qua những điều lão Hạc thu xếp, nhờ cậy ông giáo rồi sau đó mới tìm đến cái chết, em suy nghĩ gì về tình cảnh và tính cách của lão Hạc?  **Câu 8.**Qua đoạn trích *Tức nước vỡ bờ*và truyện ngắn *Lão Hạc*, em hiểu thế nào về cuộc đời, số phận của người nông dân trong xã hội cũ? |

**Gợi ý đáp án:**

**Câu 1.** Thể loại của văn bản *Lão Hạc*: truyện ngắn.

**Câu 2.**Văn bản *Lão Hạc* được kể theo ngôi thứ nhất.

**Câu 3.***Lão Hạc* phải bán cậu Vàng vì gia cảnh nghèo khó mà lão còn trải qua một trận ốm, lão đã kiệt quệ, không còn sức để nuôi nổi bản thân, huống chi là còn có thêm một con chó. Nên lão Hạc phải bán “cậu Vàng” đi.

**Câu 4.**Đặc sắc nghệ thuật của văn bản *Lão Hạc*: - Lời kể ngôi thứ nhất, người kể là nhân vật hiểu, chứng kiến toàn bộ câu chuyện và cảm thông với lão Hạc.

- Kết hợp các phương thức biểu đạt tự sự, trữ tình, lập luận, thể hiện được chiều sâu tâm lí nhân vật với diễn biến tâm trạng phức tạp, sinh động.

- Sử dụng ngôn ngữ hiệu quả, tạo được lối kể khách quan, xây dựng được hình tượng nhân vật có tính cá thể hoá cao.

**Câu 5.** Ý nghĩa của văn bản *Lão Hạc*:

Văn bản thể hiện phẩm giá của người nông dân không bị hoen ố cho dù phải sống trong hoàn cảnh khốn cùng.

**Câu 6.**

- Trước khi bán con chó Vàng:

+ Nói với ông giáo về ý định bán chó

+ Lão phải suy tính, đắn đo nhiều lần, coi đó là việc rất hệ trọng.

- Sau khi bán con Vàng:

+ Cố làm ra vui vẻ, cười như mếu, mắt ầng ậc nước, mặt co rúm lại, vết nhăn xô lại, ép nước mắt chảy ra, đầu ngoẹo về một bên, mếu như con nít, hu hu khóc.

◊ Sử dụng các từ tượng hình, tượng thanh, động từ có sức gợi tả cao, biểu hiện chân thực, cụ thể, chính xác, đặc tả ngoại hình đầy ấn tượng.

◊ Thể hiện một sự ngậm ngùi, chua chát, nỗi đau đớn, hối hận, xót xa, sự thương tiếc, nỗi buồn và sự bất lực trước cảnh sống hiện tại cùng cực.

**Câu 7.**Qua những điều lão Hạc thu xếp, nhờ cậy ông giáo rồi sau đó mới tìm đến cái chết, ta thấy lão Hạc là người có trước có sau, suy nghĩ chu đáo, sống có tình nghĩa, không vì cái chết của mình mà bỏ mặc tất cả.

**Câu 8.**

Qua đoạn trích *Tức nước vỡ bờ* và truyện ngắn *Lão Hạc*, ta thấy được Lão Hạc và chị Dậu đều là đại diện cho những người nông dân cực khổ, nghèo túng, bất hạnh:

+ Đều là những người nông dân hiền lành, lương thiện.

+ Đều yêu chồng, thương con hết mực, giàu sức hi sinh.

+ Trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng cố gắng giữ mình trong sạch.

+ Đều là những người bị xã hội đè nén, áp bức, rơi vào khốn khó, cùng cực.

**GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN HS BÀI TẬP VỀ NHÀ VÀ CHUẨN BỊ BÀI MỚI**

**1. Bài cũ:**

- Hoàn thành các bài tập trên

- Ghi nhớ các kiến thức về tác giả, nội dung và ghệ thuật của văn bản

- Vẽ SĐTD hệ thống kiến thức của bài

**2. Bài mới:** soạn văn bản “ Trong mắt trẻ” về các kiên thức : Tác giả, tác phẩm, thể laoij, bố cục và các câu hỏi gợi ý trong SGK.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn 30/12/2024 | Tiết PPCT | Lớp  8C | Ngày dạy | Tiết | Lớp 8D | Ngày dạy | Tiết |
| 76 | 20/1/2024 | 3 | 20/1/2024 | 1 |
| 77 | 22/1/2024 | 2 | 24/1/2024 | 5 |

|  |
| --- |
| **TIẾT 76 + 77 – ĐỌC HIỂU VĂN BẢN 2 :**  **TRONG MẮT TRẺ ( Ê-xu-pê-ri)**  ***(Thời gian thực hiện: 2 tiết)*** |

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

***1. Kiến thức***

- Nhận biết được yếu tố hình thức tiêu biểu của truyện ngắn qua văn bản “Trong mắt trẻ” như chi tiết, cốt truyện, ngôn ngữ, nhân vật,…

- Phân tích được đặc sắc nội dung của văn bản “Trong mắt trẻ” qua đề tài, chủ đề thông điệp,…

- Thấy được cuộc hội ngộ lí thú và chia tay bất ngờ với hoàng tử bé của nhân vật tôi

***2. Năng lực***

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để hiểu về văn bản đã học

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề  để hiểu về văn bản đã học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

***3. Thái độ***

- Trân trọng những hành động và suy nghĩ nhân hậu, trong sáng

- Biết cảm thông chia sẻ trước cảnh ngộ của người khác.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Giáo viên: Giáo án, sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Học sinh: Thiết bị học tập cần thiết

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó tạo vấn đề vào chủ đề.  **b. Nội dung:** GV cho học sinh xem video giới thiệu về tiểu thuyết “Hoàng tử bé”, hỏi học sinh nêu hiểu biết của mình về tiểu thuyết  **c. Sản phẩm:** HS quan sát video  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV & HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chiếu video: https://youtu.be/Vt3MKmcPVpY  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mớiGV chiếu một vài hình ảnh về tiểu thuyết “Hoàng tử bé”, hỏi học sinh nêu hiểu biết của mình về tiểu thuyết  - HS có thể trình bày theo nhóm hoặc cá nhân (chuẩn bị trước ở nhà)  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - HS theo dõi video, nêu cảm nhận.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, khen ngợi HS. | |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **HĐI. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG**  **a. Mục tiêu:**  **-** Nắm được những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm  - Phân tích những điểm đặc sắc về mặt hình thức của văn bản. Hiểu nội dung và thông điệp của văn bản.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, đọc văn bản và theo dõi thông tin về tác giả, tác phẩm  **c. Sản phẩm học tập:** Bài đọc của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV & HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **NV1: TÌM HIỂU CHUNG**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chiếu yêu cầu tiết trước  *(?) HS thực hiện theo nhóm (tổ 1,2) tìm hiểu về tác giả văn bản “Trong mắt trẻ”.*  **Bước 2: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS thực hiện theo nhóm  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  HS đại diện trình bày  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  HS nhóm khác đánh giá, nhận xét bài làm của nhóm bạn  Gv kết luận  **\*Tìm hiểu về tác phẩm**  GV chiếu yêu cầu tiết trước  *(?) HS thực hiện theo nhóm (tổ 3,4) tìm hiểu về văn bản “Trong mắt trẻ” theo bảng gợi ý.*   |  |  | | --- | --- | | ***Văn bản “Trong mắt trẻ”*** | | | *Xuất xứ* |  | | *Thể loại* |  | | *Phương thức BĐ* |  | | *Nhân vật* |  | | *Bố cục* |  |   **Bước 2: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS thực hiện theo nhóm  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  HS đại diện trình bày  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  HS nhóm khác đánh giá, nhận xét bài làm của nhóm bạn  GV kết luận | **I. TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Đọc**  **2. Tìm hiểu chung**  **a.Tác giả**  ***Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri***  - Sinh năm [1900](https://vi.wikipedia.org/wiki/1900) mất năm [1944](https://vi.wikipedia.org/wiki/1944)  - Là một [nhà văn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_v%C4%83n" \o "Nhà văn) và [phi công](https://vi.wikipedia.org/wiki/Phi_c%C3%B4ng) [Pháp](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%A1p) nổi tiếng  - Các đề tài của ông lấy đề tài, cảm hứng từ những chuyến bay và cuộc sống của người phi công.  - Ngòi bút đậm chất trữ tình, trong trẻo, giàu cảm hứng lãng mạn  **b. Tác phẩm**  - Xuất xứ: Trích “Hoàng tử bé”, tác phẩm nổi tiếng nhất của Ê-xu-pe-ri.  - Thể loại: Truyện đồng thoại.  - Phương thức biểu đạt chính: Tự sự  -Nhân vật: nhân vật “tôi” và “hoàng tử bé”  **- Bố cục: 3 phần**  + Phần 1: Kỉ niệm vẽ tranh ngày bé của nhân vật “tôi”  + Phần 2: Cuộc gặp gỡ của nhân vật “tôi” và Hoàng tử bé  + Phần 3: Sau khi chia tay Hoàng tử bé |
| **ĐỌC – TÌM HIỂU CHI TIẾT** | |
| **NV2 : ĐỌC – TÌM HIỂU CHI TIẾT**  **Nội dung 1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chiếu câu hỏi*:*  *(?) Ngày bé nhân vật “tôi” đã vẽ bức tranh gì? Đối với bức tranh ấy nhân vật “tôi” và người lớn có cách nhìn nhận khác nhau như thế nào?*  **Bước 2: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS thực hiện cá nhân  **Bước 3: Báo cáo**  HS trình bày  **Bước 4: Kết luận**  HS nhận xét  Gv kết luận  **Nội dung 2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chiếu câu hỏi*:*  **Phiếu học tập 1**   |  |  | | --- | --- | | *(1) nhân vật ‘tôi “ và hoàng tử bé gặp nhau trong* ***hoàn cảnh nào?*** *Em có nhận xét gì về hoàn cảnh ấy?* | ………………...  ………………...  ………………...  ………………...  ………………... | | *(2)* ***hoàng tử bé xuất hiện với đặc điểm gì?*** *Sư xuất hiện ấy có vai trò như nào?* | ………………...  ………………...  ………………...  ………………... |   **Phiếu học tập 2: Cách nhìn nhận của hoàng tử bé**   |  |  | | --- | --- | | **Bức tranh** | **Cách nhìn nhận** | | Ngày bé của nhân vật “tôi” |  | | Bức con cừu 1 |  | | Bức con cừu 2 |  | | Bức con cừu 3 |  | | Bức con cừu sau cùng |  | | ***Nhận xét về cách nhìn nhận của hoàng tử bé:*** | |   **Bước 2: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS thực hiện theo nhóm (4-5 HS) lần lượt các phiếu học tập 1,2  **Bước 3: Báo cáo , thảo luận**  HS đại diện trình bày  **Bước 4: Kết luận**  HS nhóm khác nhận xét, đánh giá  Gv đánh giá, kết luận  **Nội dung 3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chiếu câu hỏi*:*  *(?) sau khi chia tay hoàng tử bé, nhân vật tôi có tâm trạng và mong muốn gì? Em hãy tìm chi tiết thể hiện điều đó?*  *Tại sao nhân vật “Tôi” lại có mong muốn ấy?*  **Bước 2: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS thực hiện nhóm đôi  **Bước 3: Báo cáo ,thảo luận**  HS đại diện nhóm trình bày , thảo luận  **Bước 4: Kết luận**  Gv kết luận, chốt kiến thức  **Nội dung 4: TỔNG KẾT**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chiếu yêu cầu:  *(?) Em hãy khái quát lại nội dung và nghệ thuật bằng sơ đồ tư duy?*  **Bước 2: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS thực hiện nhóm 4-5HS  **Bước 3: Báo cáo ,thảo luận**  HS đại diện nhóm trình bày , thảo luận  **Bước 4: Kết luận**  Gv kết luận, chốt kiến thức | **II. ĐỌC – TÌM HIỂU CHI TIẾT**  ***1. Kỉ niệm vẽ tranh ngày bé của nhân vật “tôi”***  -Thời điểm: 6 tuổi  - Bức tranh  + Nội dung: Vẽ về con trăn nuốt con mồi  + Cách nhìn nhận  +) Nhân vật “tôi”: Con trăn đang ăn thịt con voi  +) Người lớn: một cái mũ có gì đáng sợ  ***-> Trẻ em có trí tưởng tượng phong phú và bay bổng hơn người lớn.***  ***2. Cuộc gặp gỡ của nhân vật “tôi” và Hoàng tử bé***  **a. Hoàn cảnh gặp gỡ**  - Cô độc trên sa mạc rộng lớn  - Nước chỉ còn đủ dùng tám ngày  - Hành động: tự sửa máy bay để mong thoát khỏi nơi này.  ***-> Nhân vật tôi dần cạn sức lực, hi vọng. Đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách.***  **b. Sự xuất hiện của Hoàng tử bé**  **-** Cách xuất hiện: đối lập hoàn toàn với những gì nhân vật “tôi” gặp phải  + Ngoại hình đẹp đẽ, chẳng có gì là lạc đường hay mệt mỏi  + Lời nói và phản ứng rất nhẹ nhàng  - Vai trò: Xuất hiện đúng lúc, trở thành điểm tựa tinh thần cho nhân vật “tôi”.  **c. Cách nhìn nhận của Hoàng tử bé**  **-**Với bức tranh ngày bé của nhân vật “tôi”: thấy con voi bị trăn nuốt trong bụng, trăn nguy hiểm còn voi kềnh càng  - Với những bức tranh con cừu mà hoàng tử bé yêu cầu nhân vật “tôi” vẽ:  +Bức vẽ cừu thứ 1: quan sát kĩ rồi cho rằng cừu bị bệnh  + Bức vẽ cừu thứ 2: cho rằng là con cừu đực vì có sừng  + Bức vẽ cừu thứ 3: cho rằng con cừu già quá, muốn cừu sống được lâu  + Bức sau cùng: con cừu trong cái thùng và con cừu đang ngủ  -> Với khả năng tưởng tượng bay bổng phong phú, hoàng tử bé đã có những cách nhìn nhận các bức vẽ và sự vật khác với người lớn, cậu nhận ra những điều người khác khó nhận ra như chỉ cần vài thay đổi nhỏ trong nét vẽ của nhân vật “tôi” cũng đủ biến con cừu này thành con cừu khác về trạng thái, giới tính, độ tuổi,…  ***3. Sau khi chia tay Hoàng tử bé***  ***a. Tâm trạng***  - Buồn: “buồn lắm”, “những chiếc lục lạc lại biến hết cả thành nước mắt”, cho rằng nơi từng găp hoàng tử bé là “quang cảnh đẹp nhất và buồn nhấ thế gian”.  - Ngổn ngang nhiều cảm giác khó tả: lo lắng vì mình đã quên vẽ vòng da của rọ mõm cho con cừu nên nó có thể mất bông hoa; tuy nhiên vẫn hạnh phúc tin tưởng vào sự cẩn thận của cậu bé.  ***b. Mong muốn***  - Mong muốn: Được gặp lại hoàng tử bé: cứ nghĩ mãi về cậu, nơi cậu xuất hiện, những thứ nhỏ nhoi xung quanh cậu như con cừu và bông hoa,…  - Nguyên nhân:  + Gặp hoàng tử bé là một kỉ niệm không thể quên trong đời  + Hoàng tử bé như một tri kỉ với nhân vật “tôi”  + Tấm gương phản ánh những giấc mộng ấu thơ chưa thành của nhân vật “tôi”.  **III. Tổng kết**  **1.Nội dung**  - Cuộc gặp gỡ tình cờ và đầy lí thú của nhân vật “tôi” và hoàng tử bé  - Cần trân trọng những quan điểm, cách nhìn nhận riêng biệt của mỗi người đặc biệt là trẻ em  **2. Nghệ thuật**  - Cốt truyện chặt chẽ, có sự liên kết  - Diễn biến câu chuyện đều có tranh minh hoạ bám sát  - Ngôn ngữ nhân vật trong sáng, giàu chất trẻ thơ |
| **HOẠT ĐỘNG 3 : LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố kiến thức vừa học qua hệ thống bài tập  **b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Trả lời câu hỏi : *Em rút ra thông điệp gì sau khi học xong văn bản trên***?**  **c. Sản phẩm học tập:** HS trình bày câu trả lời  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV & HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chiếu câu hỏi:  *(?)Em rút ra thông điệp gì sau khi học xong văn bản trên***?**  **Bước 2: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS thực hiện cá nhân  **Bước 3: Báo cáo**  HS trình bày  **Bước 4: Kết luận**  Gv kết luận, chốt kiến thức | -Trẻ em rất cần sự động viên , khuyến khích của người lớn đối với những ước mơ của mình vì điều đó thể hiện sự thấu hiểu yêu thương và đồng cảm của người lớn với các em.  - Trẻ em cần lắng nghe khuyên bảo của người lớn trên con đường thực hiện ước mơ của mình. Các em cũng cần học cách thuyết phục người khác chấp nhận ước mơ của mình bằng sự cầu thị, tự tin và kiên định  - Mỗi người đều cần học cách chấp nhận những quan điểm khác biệt có sự tôn trọng cần thiết với góc nhìn riêng của từng cá nhân về một sự vật hiện tượng. |
| **HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành các bài tập thực tiễn  **b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ  **c. Sản phẩm học tập:** Bài làm của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV & HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chiếu câu hỏi:  *(?)Em ấn tượng với bức tranh nào nhất ? Vì sao?*  **Bước 2: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS thực hiện cá nhân  **Bước 3: Báo cáo**  HS trình bày  **Bước 4: Kết luận**  Gv kết luận, chốt kiến thức | Hs tuỳ chọn bức tranh ấn tượng, có thể là bức tranh con trăn hoặc chiếc hộp vì nó thể hiện khả năng liên tưởng phong phú của trẻ thơ hoặc bức chân dung nhân vật hoàng tử bé,… |

**GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN HĐTT**

**1. Bài cũ:**

- Hoàn thành các bài tập trên

- Ghi nhớ các kiến thức về tác giả, tác phẩm, nội dung và nghệ thuật

- Rút ra thông điệp ( bài học) cho bản thân sau khi học xong văn bản

**2. Bài mới:**

- Chuẩn bị bài sau : THTV : Từ toàn dân, từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn 30/12/2024 | Tiết PPCT | Lớp  8C | Ngày dạy | Tiết | Lớp 8D | Ngày dạy | Tiết |
| 78 | 22/1/2024 | 3 | 26/1/2024 | 2 |

|  |
| --- |
| **TIẾT 78 - THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**  **TỪ NGỮ TOÀN DÂN, TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG, BIỆT NGỮ XÃ HỘI**  (Thời gian thực hiện: 1 tiết) |

**I. MỤC TIÊU**

***1 Về kiến thức:***

- Tri thức về từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội.

***2 Về năng lực:***

- Xác định được từ ngữ địa phương, chỉ ra được nghĩa và tác dụng của chúng đối với việc phản ánh con người, sự vật.

- Nhận biết được biệt ngữ xã hội, hiểu nghĩa và chỉ ra được tác dụng của chúng đối với việc thể hiện đặc điểm của nhân vật hoặc nhóm xã hội sử dụng.

- Viết được đoạn văn nêu ý kiến về hiện tượng sử dụng biệt ngữ xã hội trên mạng xã hội hiện nay.

***3 Về phẩm chất:***

*-* Biết cách sử dụng từ láy, biện pháp tu từ ẩn dụ trong khi viết bài và giao tiếp hằng ngày.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Giúp học sinh huy động những hiểu biết về từ Từ ngữ toàn dân, địa phương, biệt ngữ để kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu.

**b) Nội dung:** Hiện nay trên mạng xã hội facebook có 1 group đang ngày càng đông thành viên có tên là “Flex đến hơi thở cuối cùng”. Bạn hiểu thế nào về từ “flex”?

**c) Sản phẩm:** HS tham gia bằng cách trả lời nội dung câu hỏi.

**d) Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B 1: chuyển giao nhiệm vụ**  Hiện nay trên mạng xã hội facebook có 1 group đang ngày càng đông thành viên có tên là “Flex đến hơi thở cuối cùng”. Bạn hiểu thế nào về từ “flex”?  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  *-* GV nhận xét, đánh giá, chốt. | “Flex” -> biệt ngữ xã hội |

**HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được từ ngữ địa phương, chỉ ra được nghĩa và tác dụng của chúng đối với việc phản ánh con người, sự vật.

- Nhận biết được biệt ngữ xã hội, hiểu nghĩa và chỉ ra được tác dụng của chúng đối với việc thể hiện đặc điểm của nhân vật hoặc nhóm xã hội sử dụng.

- Viết được đoạn văn nêu ý kiến về hiện tượng sử dụng biệt ngữ xã hội trên mạng xã hội hiện nay.

**b.Nội dung:** GV sử dụng KT vấn đáp để hỏi phần tri thức tiếng Việt

**c) Sản phẩm:** HS tham gia bằng cách trả lời nội dung câu hỏi.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1 :**  **B 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi:  *+ Em hiểu thế nào là từ toàn dân, từ địa phương và biệt ngữ xã hội?*  **B 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** thực hiện nhiệm vụ  **GV** hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ  **B 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức .  **NV2 :**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: *Dựa vào văn bản Về thăm mẹ đã học, hãy chỉ ra phép tu từ ẩn dụ có trong câu:*  ***Áo tơi qua buổi cày bừa***  ***Giờ còn lủn củn khoác hờ người rơm***  *Từ đó, hãy nhắc lại khái niệm về biện pháp tu từ ẩn dụ?*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **B 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  **B 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  - GV củng cố kiến thức: Biện pháp tu từ ẩn dụ nhằm làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. | **I. Lí thuyết**  ***1. Từ toàn dân***  - Từ ngữ được sử dụng rộng rãi trong mọi vùng miền của đất nước.  *VD: cha, mẹ, sắn, ngô, gì, nào, sao, thế,…*  - Là khối từ ngữ cơ bản và có số lượng lớn nhất của ngôn ngữ.  - Từ ngữ toàn dân không chỉ có vai trò quan trọng trong giao tiếp ở mọi lĩnh vực của đời sống xã hội mà còn là cơ sở cho sự thống nhất ngôn ngữ. Hiểu được nghĩa và sử dụng đúng từ ngữ toàn dân là điều kiện để giao tiếp có hiệu quả.  ***2. Từ ngữ địa phương***  - Là những từ ngữ được sử dụng ở một vùng miền nhất định.  *VD: thầy, u, mì, bắp, chi, răng, rứa,…*  - Số lượng không lớn, phạm vi dùng hạn chế  - Phản ánh nét riêng của con người, sự vật mỗi vùng miền, có vai trò quan trọng đối với hoạt động giao tiếp trong sinh hoạt hằng ngày và đối với sáng tác văn chương.  - Cần hiểu được nghĩa và biết sử dụng đúng chỗ, đúng mức nhằm nâng cao hiệu quả giao tiếp.  **3. Biệt ngữ xã hội**  - Là những từ ngữ được dùng với nghĩa riêng trong một nhóm xã hội nhất định.  *VD: pó tai, rùi, bít, ga tô,…*  - Trong tác phẩm văn chương, lời ăn tiếng nói của nhân vật cũng có thể phản ánh biệt ngữ của nhóm xã hội mà nhân vật thuộc vào.  - Việc sử dụng cần có chừng mực để đảm bảo hiệu qủa giao tiếp và giữ gìn sự trong sáng của ngôn ngữ dân tộc. |

**HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Bài tập 1**  **B 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV yêu cầu HS:** làm bài tập 1  + Tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn?”.  + Chia lớp thành 4 nhóm. Mỗi nhóm được phát 1 phiếu học tập.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **Từ ngữ địa phương** | **Vùng sử dụng** | **Tác dụng** | | a |  |  |  | | b |  |  |  | | c |  |  |  | | d |  |  |  |   + Mỗi nhóm có 5 phút để thực hiện nhiệm vụ.  + GV chiếu đáp án lên bảng. Các nhóm chấm chéo cho nhau. Nhóm chiến thắng được tặng phần quà nhỏ hoặc cộng điểm miệng cho mỗi thành viên.  *a. Sáng ra bờ suối, tối vào hang*  *Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng (Hồ Chí Minh)*  *b. Muôn đời biết ơn chiếc gậy tầm vông đã dựng nên Thành đồng Tổ quốc! (Thép Mới)*  *c. Chị cho tôi một gói độ mười viên thuốc cảm và một đòn bánh tét (Đoàn Giỏi)*  *d. Thuyền em đã nhẹ, chèo lẹ khó theo (Ca dao)*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **NV2: Bài tập 2**  **B 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập 2.  *Giải thích nghĩa của các từ in đậm dưới đây bằng các từ toàn dân cùng nghĩa:*  *a. … Lão viết văn tự nhượng cho tôi để không ai còn tơ tưởng* ***dòm ngó*** *đến… (Nam Cao)*  *b. Đón* ***ba, nội*** *gầy gò, cười phô cả lợi:*  *-* ***Má*** *tưởng con không về được, mưa gió tối trời vầy khéo cảm. (Nguyễn Ngọc Tư)*  *c. Một hôm, chú Biểu đến nhà, chú mang theo xâu ếch dài* ***thiệt*** *dài, bỗ bã:*  *- Cái này má* ***gởi*** *cho* ***mầy****, má* ***biểu*** *phải đem đến tận nhà. (Nguyễn Ngọc Tư)*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **B 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuyển dẫn vào HĐ sau.  **NV3: Bài tập 3**  **B 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 3.  Việc sử dụng các biệt ngữ xã hội (có dấu ngoặc kép) trong những câu sau (ở tác phẩm *Bỉ vỏ* của Nguyên Hồng) có tác dụng thể hiện đặc điểm của các nhân vật như thế nào?  *a. Nó hết sức theo dõi nhưng không làm sao đến gần được vì “bỉ” này “hắc” lắm.*  *b. Cái “cá” ngon làm vậy thằng “vỏ lõi” nó còn “mõi” được huống hồ chị …*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **B 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **Bài tập 1:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **TNĐP** | **Vùng** | **Tác dụng** | | a | bẹ (ngô) | miền núi phía Bắc | - Bổ sung thông tin về nơi Bác Hồ đã từng sống và làm việc (vùng Việt Bắc).  - Qua đó, cho biết thêm về cuộc sống gian lao nhưng tràn đầy tinh thần lạc quan của Người. | | b | tầm vông  (loại tre thân nhỏ, gióng dài, không gai, đặc ruột và cứng, thường dùng làm gậy) | Nam Bộ | - Phản ánh một loại vũ khí thô sơ được sử dụng phổ biến và có hiệu quả trong cuộc kháng chiến anh dũng của đồng bào Nam Bộ chống thực dân Pháp. | | c | đòn (từ chỉ đơn vị)  bánh tét (loại bánh làm bằng gạo nếp, nhân đỗ xanh, thịt lợn, hình trụ) | miền Trung | Giúp người đọc nhận ra sự vật và sự việc được nói tới là ở một tỉnh miền Nam. | | d | lẹ (nhanh) | miền Nam | Giúp người đọc nhận ra sự vật và sự việc được nói tới là ở một tỉnh miền Nam. |   **Bài tập 2:**  a. Dòm ngó: nhòm ngó  b. Ba: bố, cha  Nội: bà nội, ông nội  Má: mẹ  c. Thiệt: thật  Gởi: gửi  Mầy: mày  Biểu: bảo  **Bài tập 3:**  - Các biệt ngữ xã hội được sử dụng trong các câu đã cho:  + bỉ: đàn bà, con gái  + hắc: cẩn thận, khôn ngoan  + cá: ví tiền  + vỏ lõi: kẻ cắp nhỏ tuổi  + mõi: lấy cắp   * Góp phần thể hiện rõ hơn đặc điểm của nhân vật được nói đến: những kẻ thuộc giới lưu manh, trộm cắp. * Việc chúng đặt ra và sử dụng các biệt ngữ xã hội trong giao tiếp là nhằm che giấu những việc làm xấu xa, tội lỗi của mình. |

**HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)  Viết đoạn văn (khoảng 6 – 8 dòng) nêu ý kiến của em về hiện tượng sử dụng biệt ngữ xã hội trên mạng xã hội hiện nay.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** có thể chia sẻ những nội dung các em viết với các bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho tiết học sau. | Hiện nay, trên mạng xã hội xuất hiện phổ biến hiện tượng sử dụng biệt ngữ xã hội, đặc biệt là trong giới trẻ. Đây là hiện tượng bình thường, phản ánh sự vận động của ngôn ngữ dưới tác động của các nhân tố tâm lí, xã hội và phương tiện giao tiếp mới (Internet). Hiện tượng này, xét ở góc độ nào đó, cũng có khía cạnh tích cực (chẳng hạn: đáp ứng nhu cầu, sở thích giao tiếp của một nhóm xã hội nhất định). Tuy nhiên, việc sử dụng biệt ngữ xã hội cần có chừng mực để không ảnh hưởng đến việc giao tiếp trong môi trường giao tiếp chính thức và ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.  (Nguồn: SGV ngữ văn 8 cánh diều) |

**GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN HS BTVN VÀ CHUẨN BỊ BÀI MỚI**

**1. Bài cũ:**

- Hoàn thành các bài tập trên

- Ghi nhớ kiến thức về Từ ngữ toàn dân, địa phương, toàn dân

**2. Bài mới:**

- Soạn bài : “ Người thầy đầu tiên” theo định hướng : Tác giả, tác phẩm, PTBĐ, thể loại, bố cục và các câu hỏi định hướng trong SGK.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn 30/12/2024 | Tiết PPCT | Lớp  8C | Ngày dạy | Tiết | Lớp 8D | Ngày dạy | Tiết |
| 79 | 27/1/2024 | 2 | 26/1/2024 | 3 |
| 80 | 3 | 27/1/2024 | 1 |

|  |
| --- |
| **TIẾT 79 +80 : THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**  **VĂN BẢN 3: NGƯỜI THẦY ĐẦU TIÊN**  **(Thời gian thực hiện: 2 tiết)** |

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Về kiến thức**

- Cảm nhận được tình yêu thương của thầy Đuy-sen dành cho học trò và lòng biết ơn của An-tư-nai đối với người thầy đầu tiên. Từ đó, biết trân trọng những tình cảm tốt đẹp mà mình được đón nhận.

- Nhận biết đuợc sự thay đổi người kể chuyện trong đoạn trích và bước đầu cảm nhận được tác dụng của sự thay đổi đó; biết khái quát đặc điểm tính cách nhân vật thầy Đuy-sen qua các chi tiết miêu tả ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động, qua lời kể và cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật An- tư-nai, của nhân vật người hoạ sĩ.

**2. Năng lực**

**\* Năng lực chung:**

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

Biết lắng nghe và phản hồi tích cực trong giao tiếp.

Biết phối hợp cùng các bạn trong nhóm thực hiện công việc nhóm nhỏ.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

**\* Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết tiêu biểu, câu chuyện, nhân vật,…) và nội dung (đề tài, chủ đề, tư tưởng, thông điệp; tình cảm, thái độ người kể chuyện;…) của truyện.

- Phân tích được đặc điểm của nhân vật trong truyện kể qua: hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ,…

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.

- Hiểu được chủ đề của truyện.

- Đọc hiểu được các văn bản khác thuộc thể loại truyện vừa.

- Liên hệ được sự giống và khác nhau giữa các kiểu cốt truyện, nhân vật ở các chuyện kể khác nhau; nêu được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.

**2. Phẩm chất**

- Chăm chỉ hoàn thành nhiệm vụ.

- Đoàn kết, tôn trọng sự khác biệt.

- Có thái độ trân trọng, biết ơn; cảm thông chia sẻ với người khác.

- Bồi dưỡng tinh thần vượt qua khó khăn thử thách trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- GV: Giáo án, sgk, phiếu học tập

- HS: Thiết bị học tập cần thiết

**III. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, đàm thoại, dạy học nhóm,

**IV. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG**

**HỌC SINH LÀM VIỆC DỰ ÁN**

**\* Nhiệm vụ 1:** GV chia lớp thành 4 nhóm để Hs thực hiện dự án:

**- Thời gian thực hiện 10 ngày.**

**- Yêu cầu:** Các nhóm bốc thăm một trong các vai trò sau để thực hiện:

+ (1) Vai tác giả Trin-ghi-dơ Ai-ma-tốp để giới thiệu về bản thân và tác phẩm “Người thầy đầu tiên”.

+ (2) Vai người dân Cư-rơ-gư-xtan để giới thiệu về đất nước – con người Cư-rơ-gư-xtan.

+ (3) Vai nhân vật An-tư-nai kể về câu chuyện của mình và kể về thầy Đuy-sen trong đoạn trích “Người thầy đầu tiên”.

+ (4) Tìm hiểu ngôi kể và tác dụng của ngôi kể, cốt truyện, tóm tắt đoạn trích “Người thầy đầu tiên”

**- Sản phẩm:** tranh ảnh, video,… kết hợp thuyết trình.

**\* Nhiệm vụ 2:** Hoàn thành phiếu học tập số 1

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **a.  Mục tiêu:**:     - Tạo tâm thế hứng thú cho HS.     - Kích hoạt tri thức nền về đặc điểm thể loại truyện đã học.  **b. Tổ chức thực hiện:** | |
| **\*Bước 1: Giao nhiệm vụ:**  GV mời nhóm thực hiện dự án *(2) Vai người dân Cư-rơ-gư-xtan để giới thiệu về đất nước – con người Cư-rơ-gư-xtan* trình bày.  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  Nhóm thực hiện dự án ở nhà.  **\*Bước 3: Báo cáo kết quả:**  Đại diện nhóm lên báo cáo dự án.  **\*Bước 4: Đánh giá kết quả:**  Các nhóm nhận xét, đánh giá, bổ sung chéo.  GV nhận xét, dẫn vào bài:  “Người thầy đầu tiên” là truyện ngắn xuất sắc của của tác giả Trin-ghi-dơ Ai-ma-tốp.  Vậy em biết gì về tác giả và tác phẩm? |  |

**HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **a.  Mục tiêu:**Hs hiểu sơ lược về tác giả, tác phẩm  **b. Tổ chức thực hiện:** | |
| **NV1: I. ĐỌC - TÌM HIỂU CHUNG**  **\*Bước 1: Giao nhiệm vụ:**  1/GV mời nhóm thực hiện dự án *(1) Vai tác giả Trin-ghi-dơ Ai-ma-tốp để giới thiệu về bản thân và tác phẩm “Người thầy đầu tiên”* trình bày.  2/ Nêu hiểu biết của em về tác phẩm  3/ GV yêu cầu HS chia bố cục và nêu nội dung chính của từng phần.  4/ Từ bố cục của văn bản, yêu cầu HS tóm tắt ngắn gọn lại văn bản.  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  Nhóm thực hiện dự án ở nhà.  **\*Bước 3: Báo cáo kết quả:**  Đại diện nhóm lên báo cáo dự án.  **\*Bước 4: Đánh giá kết quả:**  Các nhóm nhận xét, đánh giá, bổ sung chéo.  GV nhận xét, bổ sung (nếu cần) và chốt. | **I. ĐỌC - TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Đọc**  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Ai-ma-tốp (1928 - 2008) là nhà văn Cư-gơ-rư-xtan, một nước cộng hòa ở vùng trung Á, thuộc Liên Xô trước đây.  - Ông bắt đầu hoạt động sáng tác văn học từ năm 1952, khi ông còn là sinh viên.  - Đề tài chủ yếu trong tác phẩm của ông: cuộc sống khắc nghiệt nhưng cũng đầy chất lãng mạn của người dân vùng đồi núi Cư-rơ-gư-xtan…  - Một số tác phẩm như: *Cây phong non trùm khăn đỏ, Người thầy đầu tiên, Con tàu trắng…*  **b. Tác phẩm**  “Người thầy đầu tiên “ được sáng tác năm 1962, là một truyện ngắn nổi tiếng được in trong tập Gia-mi-li-a – Truyện núi đồi và thảo nguyên được tặng Giải thưởng văn học Lê-nin năm 1963.  - **Bối cảnh:**truyện lấy bối cảnh cuộc sống ở một vùng quê miền núi còn rất lạc hậu ở Cư-rơ-gư-dơ-xtan vào những năm đầu thế kỉ XX.  **- Thể loại:**truyện  **- Phương thức biểu đạt:**tự sự  **c. Bố cục: 3 phần**  **Phần 1***(từ “Mùa thu năm ngoái”… “kể hết chuyện này”)*: Người họa sĩ nói về lí do kể bưc thư của An-tư-nai.  **Phần 2***(tiếp theo đến “rảo bước về làng”):*  **Phần 3***(tiếp theo đến “nghe thầy Đuy-sen giảng bài”):*Những kí ức của An-tư-nai về thầy Đuy-sen.  **Phần 4***(phần còn lại):*Người họa sĩ suy nghĩ về bức tranh sẽ vẽ.  **\* Tóm tắt:**  Đoạn trích **Người thầy đầu tiên** là lời kể lại của người họa sĩ và An-tư-nai về một người thầy đầu tiên của họ và của cả ngôi làng. Đuy-sen là một người thầy tuyệt vời, không chỉ vận động các học sinh tới trường, thầy còn tự tay cõng các em nhỏ qua suối, không quản thời tiết lạnh buốt hay bị những kẻ cưỡi ngựa châm chọc. Thầy Đuy-sen quan tâm đến các học sinh và đặc biệt là An-tư-nai, mong cô bé có thể lên thành phố lớn học tập. Câu chuyện kể lại từ An-tư-nai khiến người họa sĩ đồng hương cảm thấy day dứt và muốn vẽ bức tranh thật đẹp về hai thầy trò.  **\* Từ khó** ( SGK) |
| **NV2: ĐỌC – TÌM HIỂU CHI TIẾT VB**  ***Nội dung 1:***  **\*Bước 1: Giao nhiệm vụ:**  GV mời nhóm thực hiện dự án *(4) Tìm hiểu ngôi kể và tác dụng của ngôi kể, cốt truyện, tóm tắt đoạn trích “Người thầy đầu tiên”* trình bày.  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  Nhóm thực hiện dự án ở nhà.  **\*Bước 3: Báo cáo kết quả:**  Đại diện nhóm lên báo cáo dự án.  **\*Bước 4: Đánh giá kết quả:**  Các nhóm nhận xét, đánh giá, bổ sung chéo.  GV nhận xét, bổ sung (nếu cần) và chốt. | **II. ĐỌC – TÌM HIỂU CHI TIẾT VB**  ***1. Ngôi kể, cốt truyện, tóm tắt***  - Ngôi kể và tác dụng của ngôi kể:  Truyện được kể ở ngôi thứ nhất, người kể chuyện là An-tư-nai.  Ngôi kể thứ nhất khiến câu chuyện được kể lại chân thật, sinh động, giàu cảm xúc.  - Cốt truyện: Đoạn trích “Người thầy đầu tiên” kể về kí ức đau buồn của An-tư-nai khi còn ở ngôi làng Ku-ku-rêu hẻo lánh: bị người thân bán làm vợ lẽ cho một kẻ giàu có.  - Tóm tắt:  + Thầy Đuy-sen hứa sẽ bảo vệ An-tư-nai trước âm mưu của người thím, động viên cô lạc quan, tin tưởng vào tương lai tươi sáng khi cùng cô trồng hai cây phong.  + Nhưng biến cố đau buồn vẫn xảy ra với An-tư-nai và thầy Đuy-sen đã trải qua nhiều khó khăn, vất vả để giải thoát cho cô.  + Kết truyện là những suy nghĩ của An-tư-nai về con đường mòn mà thầy Đuy-sen đã đưa cô đi hôm ấy.  Mạch kể chuyện: từ quá khứ - hiện tại |
| ***Nội dung 2:***  **\*Bước 1: Giao nhiệm vụ:**  - Nhiệm vụ 1: GV mời nhóm thực hiện dự án *(3) Vai nhân vật An-tư-nai kể về câu chuyện của mình và kể về thầy Đuy-sen trong đoạn trích “Người thầy đầu tiên”* trình bày.  - Nhiệm vụ 2: Sau khi HS trình bày xong, GV yêu cầu các nhóm (4-6 hs) thống nhất PHT số 1 trong 5 phút.  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  Nhóm thực hiện dự án ở nhà.  **\*Bước 3: Báo cáo kết quả:**  Đại diện nhóm lên báo cáo dự án.  GV hỏi:  Thông qua cuộc đời của nhân vật An-tư-nai, có thể nêu lên nhận xét gì về số phận của những người phụ nữ Cư-rơ-gư-xtan?  **\*Bước 4: Đánh giá kết quả:**  Các nhóm nhận xét, đánh giá, bổ sung chéo.  GV nhận xét, bổ sung (nếu cần) và chốt. | ***2. Nhân vật thầy Đuy-sen và An tư-nai***  **a. Thầy Đuy-sen**  - Yêu thương, quan tâm học trò  (Không chỉ là người truyền thụ kiến thức mà còn dạy học trò cách làm người, giúp An-tư-nai tạo lập nhân cách của mình).  - Có trách nhiệm với học trò  (Ra sức bảo vệ An-tư-nai, dám hi sinh tính mạng để mong đem lại cuộc sống mới đầy hi vọng cho học trò của mình).  - Có niềm tin vào tương lai tươi sáng của học trò  (Tin tưởng mạnh mẽ vào năng lực của An-tư-nai, gieo vào lòng cô bé niềm tin, nghị lực trong cuộc sống).   * Thầy Đuy-sen ấm áp, dũng cảm và cao thượng   **b. An-tư-nai**  - Hoàn cảnh bất hạnh do thiếu thốn cả vật chất lẫn tinh thần (mồ côi cha mẹ, ở cùng chú thím, bị bắt ép gả chồng khi còn chưa đủ tuổi.)  - Tình cảm của An-tư-nai dành cho thầy Đuy-sen: cảm kích, biết ơn thầy.  -> Số phận người phụ nữ:  + Chịu nhiều thệt thòi.  + Bị đói nghèo, lạc hậu đày đọa, mất hết quyền làm người. |
| ***Nội dung 3:***  **\*Bước 1: Giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS xác định đề tài, chủ đề, thông điệp của đoạn trích.  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  Hs suy nghĩ cá nhân  **\*Bước 3: Báo cáo kết quả:**  HS trả lời  **\*Bước 4: Đánh giá kết quả:**  Hs nhận xét, bổ sung  GV nhận xét, đánh giá, chốt | ***3. Đề tài, chủ đề, thông điệp***  - Đề tài: cuộc sống khắc nghiệt nhưng đầy chất thơ của người dân vùng đồi núi Cư-rơ-gư-xtan.  - Chủ đề: ca ngợi tình cảm, đạo đức, con người, đặc biệt là tình thầy trò và lòng biết ơn những người góp công xây đắp nên cuộc sống thịnh vượng, ấm no, hạnh phúc.  - Thông điệp:  + Trân trọng biết ơn những người thầy trong cuộc sống.  + Trong cuộc sống cần có ý chí và quyết tâm để vượt qua hoàn cảnh hướng tới điều tốt đẹp.  + … |
| **NV3: TỔNG KẾT**  **\*Bước 1: Giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS:  - Nêu những né đặc sắc về nghệ thuật.  - Chia sẻ kinh nghiệm đọc hiểu văn bản truyện ngắn.  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  Hs suy nghĩ, tìm câu trả lời.  **\*Bước 3: Báo cáo kết quả:**  HS trả lời  **\*Bước 4: Đánh giá kết quả:**  Hs nhận xét, bổ sung  GV nhận xét, đánh giá, chốt. | **III. TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật**  - Lựa chọn ngôi kể thứ nhất.  - Sự kết hợp giữa miêu tả và biểu cảm với ngòi bút đậm chất hội họa, truyền sự rung cảm đến người đọc.  **2. Kinh nghiệm đọc hiểu văn bản truyện ngắn**  - Đọc lướt văn bản xác định ngôi kể, cốt truyện, nhân vật, …  - Đọc chi tiết, tìm hiểu đề tài, chủ đề, tư tưởng, thông điệp; tình cảm, thái độ của người kể chuyện,…  - Liên hệ, rút ra được bài học cho bản thân về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra. |

**HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **a.  Mục tiêu:**Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bài tập.  **b. Tổ chức thực hiện:** | |
| **\*Bước 1: Giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS đọc thầm đoạn văn “Tất nhiên thầy Đuy-sen hiểu rõ tâm trạng tôi … ngôi sao nhỏ trong sáng của thầy ạ…  Trả lời câu hỏi:  ? Hãy dẫn ra một số câu văn thể hiện suy nghĩ, tình cảm và mong ước của thầy Đuy-sen khi trồng hai cây phong nhỏ.  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  Hs đọc thầm và xác định câu văn  **\*Bước 3: Báo cáo kết quả:**  HS trả lời  **\*Bước 4: Đánh giá kết quả:**  Hs nhận xét, bổ sung  GV nhận xét, đánh giá | Một số câu văn thể hiện suy nghĩ, tình cảm và mong ước của thầy Đuy-sen khi trồng hai cây phong nhỏ:  - Khơi gợi niềm lạc quan: “Và mọi người sẽ luôn luôn thấy chúng và những người lành sẽ thấy lòng vui lên khi nhìn thấy chúng.”  - Mong ước về tương lai tưi sáng: “Tất cả những gì đẹp nhất đều hãy còn ở phí trước…”  - Thể hiện tình thương yêu sâu sắc, niềm tin mãnh liệt dành cho học trò: “Và trong khi chúng lớn lên, ngày một thêm sức sống, em cũng sẽ trưởng thành, em sẽ là ột người tốt. Em có một tâm hồn đẹp và một đầu óc ham học. Thầy bao giờ cũng nghĩ rằng em sẽ trở tngười thông thái. Thầy tin như vậy, em ạ, số phận em nhất định sẽ như thế. Em bây giờ trẻ măng như một thân cây non, như đôi cây phong nhỏ này. Và mong sao em sẽ tìm thấy hạnh phúc trong học tập, ngôi sao nhỏ trong sáng của thầy ạ…” |

**HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **a.  Mục tiêu:**HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.  **b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.  **c. Sản phẩm:**  Đoạn văn 8-10 dòngcủa HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **\*Bước 1: Giao nhiệm vụ:**  Chi tiết hoặc hình ảnh nào trong văn bản đã để lại trong em những ấn tượng sâu đậm? Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 8-10 dòng) ghi lại ấn tượng ấy  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  Hs xác định chi tiết hoặc hình ảnh ấn tượng, phát biểu miệng.  Viết đoạn văn (nếu còn thời gian, dành cho hs khá-giỏi)  GV gợi ý:  - Hình thức: một đoạn văn  - Dung lượng: 8-10 dòng  - Nội dung: Chi tiết hoặc hình ảnh để lại ấn tượng:  + Hình ảnh hai cây phong non.  + Lời động viên của thầy Đuy-sen với An-tư-nai khi trồng hai cây phong.  + Chi tiết thầy Đuy-sen chống trả bọn côn đồ để bảo vệ An-tư-nai.  + Hình ảnh thầy Đuy-sen cầm cương đi trước, An-tư-nai đi sau khi giải thoát cho cô.  **\*Bước 3: Báo cáo kết quả:**  Hs đọc đoạn văn.  **\*Bước 4: Đánh giá kết quả:**  Hs khác nhận xét.  GV nhận xét, đánh giá. | Hs tự do trình bày quan điểm cá nhân, miễn hợp lí và thuyết phục; lưu ý đảm bảo dung lượng theo yêu cầu. |

**SAU KHI HỌC**

-Tiếp tục hoàn thành bài tập…

**PHỤ LỤC**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhân vật bà thím và những người đàn ông** | **Thầy Đuy-sen** | **An-tư-nai** |
| **Trước khi An-tư-nai bị bắt** | **Điều thím của An-tư-nai định làm** | **- Lời nói:**  **- Hành động, cử chỉ:** | **- Suy nghĩ, tâm trạng**  **- Tình cảm dành cho thầy Đuy-sen** |
| **Khi An-tư-nai bị bắt** | * **Ngôn ngữ** * **Hành động** | * **Ngôn ngữ**   **Hành động** | * **Ngôn ngữ**   **Hành động** |
| **Sau khi An-tư-nai bị bắt** | * **Ngôn ngữ**   **Hành động** | * **Ngôn ngữ**   **Hành động** | * **Ngôn ngữ**   **Hành động** |
| **Nhận xét** |  |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

**(Gợi ý trả lời)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | **Nhân vật bà thím và những người đàn ông** | **Thầy Đuy-sen** | **An-tư-nai** | | **Trước khi An-tư-nai bị bắt** | **Điều thím của An-tư-nai định làm:** bắt An-tư-nai gả cho người đàn ông giàu có | **- Lời nói:**  “thầy sẽ chịu trách nhiệm về em”  “An-tư-nai, em đừng sợ”  “Em đừng buồn, An-tư-nai ạ”  “Thầy bao giờ cũng tin em sẽ trở thành người thông thái”  “tất cả những gì tốt đẹp hãy còn ở phía trước”  **- Hành động, cử chỉ:**  + Nhìn thẳng vào mắt, dặt tay lên vai, mỉm cười khi nói với An-tư-nai.  + Mang hai cây phong về trồng để khơi gợi sự lạc quan, niềm hi vọng về tương lai tươi sáng cho An-tư-nai.  - Qua cảm nhận của An-tư-nai  + Vẻ mặt sa sầm như đang lo nghĩ điều gì.  + Vẻ đẹp sáng ngời, tấm lòng trìu mến, trung hậu, mạnh mẽ và khéo léo trong lao động. | **- Suy nghĩ, tâm trạng**  + Lặng đi vì kinh hãi.  + Cố gắng can đảm để thầy Đuy-sen khỏi bận tâm  - Trằn trọc không ngủ được vì lo nghĩ về tai họa sắp ập tới.  **- Tình cảm dành cho thầy Đuy-sen:** cảm kích trước tâm hồn cao thượng của thầy | | **Khi An-tư-nai bị bắt** | **- Ngôn ngữ:** ăn nói cộc lốc, xấc xược xưng hô mày-tao với thầy Đuy-sen.  **- Hành động:**  + Chồm về phía An-tư-nai  + Tên mặt đỏ xông vào thầy Đuy sen như một con gấu.  + 2 tên cầm gậy nhọn xông vào.  + Chúng đánh gãy tay thầy Đuy-sen.  + Thấy thầy không còn sức chống cự, liền xông vào đánh thầy, rống lên như một đàn bò.  + Vật An-tư-nai xuống và trói lại; bịt mồm An-tư-nai và xốc cô nằm vắt ngang lưng ngựa. | **- Ngôn ngữ:** rắn rỏi và điềm tĩnh  + Các em đừng để ý, cứ lo việc của các em đi.  + Hỏi thím của An-tư-nai: Bà đến có việc gì?  + Ở đây toàn là nữ sinh, chưa em nào gả chồng được.  - **Hành động:**  + Chặn lối khi bà thím tiến lại gần An-tư-nai  + Đạp vào bụng tên mặt đỏ.  + Khi bị đánh gãy tay, thầy ép cánh tay vào ngực, bước lùi lại. | **- Hành động:**  Lao vào đám đánh nhau lôi theo cả lũ trẻ đang bấu víu vào người. | | **Sau khi An-tư-nai bị bắt** | - Dụi mắt, toan chồm lên người thầy.  - Lão kia ngoan ngoãn cất bước. | - **Ngôn ngữ**  + Giận giữ với tên mặt đỏ.  + Dằn vặt bản thân khi nói lời xin lỗi An-tư-nai, dịu dàng nói lời động viên học trò.  **- Hành động:**  + Nhảy xuống ngựa, chạy vào lều và kéo phắt tấm chăn đắp trên người lão mặt đỏ.  + Túm lấy cổ áo tên mặt đỏ lay mạnh, rồi kéo đầu hắn vào sát mặt mình.  + Đứng cạnh, lặng lẽ vuốt tóc và đợi An-tư-nai nín khóc. | - Đến đêm thứ 3 nhất quyết trốn đi  - Hăm hở, mải mê đào đất dưới vách lều.  Cào bằng móng tay, mấy ngón tay toạc rách móng rớm máu.  - Mừng quýnh khi thấy thầy vẫn sống.  - Xuống suối tắm và nói lời thì thầm. | | **Nhận xét** | Đại diện cho xã hội lúc bấy giờ | - Yêu thương, quan tâm tới học trò.  - Có trách nhiệm với học trò.  - Có niềm tin vào tương lai tươi sáng của học trò. | Dại diện cho số phận người phụ nữ lúc bấy giờ:  - Chịu nhiều thiệt thòi.  - Bị đói nghèo, lạc hậu, mất hết quyền làm người. | |

**GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN HỌC SINH BTVN VÀ CHUẨN BỊ BÀI MỚI**

**1. Bài cũ:**

- Hoàn thành các bài tập trên

- Ghi nhớ các kiến Tác giả, tác phẩm, nội dung, nghệ thuật của văn bản

**2. Bài mới:**

Soạn bài : Viết “ Phân tích một tác phẩm truyện” : Dựa vào phần định hướng của bài viết, GV yêu cầu HS tìm ý và lập dàn ý chi tiết cho bài văn.